|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP  **Dự thảo 1**  **6/8/2025** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, cấp nước sạch**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ**Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 48/2014/QH13;*

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, cấp nước sạch.*

# Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

# 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 2 như sau[[1]](#footnote-1):

“2. Cơ quan quản lý đường bộ, gồm:

a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương là tổ chức trực thuộc Bộ Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đường bộ.

b) Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về đường bộ.

c) Cơ quan quản lý đường bộ cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

b) Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

c) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an, trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan. Không thực hiện việc chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng đường bộ. Trường hợp thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

## 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

“b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Thẩm quyền quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc trung ương quản lý cho cơ quan quản lý tài sản ở trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý cho cơ quan quản lý tài sản ở địa phương.”.

## 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản 3 của như sau:

## a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

**“**b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản chính.”.

## b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong thời hạn 15 ngày[[2]](#footnote-2), kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“c) Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện hoặc bảo trì theo khối lượng thực tế thực hiện đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

**“**đ) Phương thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Trường hợp sử dụng tạm thời một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (lòng đường, hè phố) để tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ hoặc các hoạt động khác trên đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

c) Trường hợp sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để khai thác vào mục đích khác (ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này) - nếu có: Đề nghị Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“**Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**

1. Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.”.

b) Bổ sung khoản 6a, khoản 6b vào sau khoản 6 như sau:

6a) Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

6b) Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:

a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh để xem xét, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 9 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại các khoản 6, 6a và 6b Điều 14 Nghị định này**.** Riêng Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn đường bộ phù hợp với quy định của pháp luật về đường bộ), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

**“**h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong toả là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc nhận thuê quyền khai thác tài sản (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý).,Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng.”.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 9 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện tương tự quy định tại các khoản 6, 6a và 6b Điều 14 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định này”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường bộ tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường bộ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong toả là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 9 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 17 như sau:

“a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá gồm: Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có).Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.”.

## 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên chuyển nhượng quyền thu phí, Bên cho thuê quyền khai thác, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định này.

d) Bên nhận chuyển nhượng quyền thu phí, Bên thuê quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này cho cơ quan quản lý tài sản vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi cơ quan quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

c) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này);

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.”.

d) Sửa đổi điểm a khoản 5 như sau:

“a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này.”.

## 16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

h) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

i) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) từ việc phá dỡ, hủy bỏ công trình được xử lý như sau:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền đã quyết định thanh lý tài sản để quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì, trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

b) Điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng:

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác”.

b1) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

b2) Trình tự, thủ tục điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan có tài sản thanh lý và cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng: Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được”.

## 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 26 như sau:

“2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này.

b) Căn cứ quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về đường bộ và pháp luật khác có liên quan.”.

## 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“**Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán trình người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

## 21. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau:

## a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

## b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 3 như sau:

“a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.”.

22. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 Điều 32 như sau:

“b) Trường hợp đã đấu giá thành nhưng chưa ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định thì tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành việc mua bán tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định, người mua tài sản (người trúng đấu giá) có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì cơ quan quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của người trúng đấu giá (nếu có) gửi cơ quan thuế theo thẩm quyền (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại hợp đồng mua bán tài sản.

c) Trường hợp đã tổ chức đấu giá thành và đã ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá) chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản cho cơ quan quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết thì người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng đã ký kết. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 27 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.”.

23. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 2, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 5, khoản 1, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 16, khoản 5, khoản 7 Điều 17, khoản 5 Điều 21, khoản 6 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 31, khoản 1 Điều 32, Mẫu 01C, Mẫu 02B, Mẫu 02C, Mẫu 02D tại Phụ lục.

## b) Thay thế cụm từ “tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ” bằng cụm từ “tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ” từ Điều 1 đến Điều 32, Mẫu 01, Mẫu 01A, Mẫu 01C, Mẫu 02B, Mẫu 02C, Mẫu 02D tại Phụ lục.

c) Thay cụm từ “pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” thành “pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” tại điểm a khoản 2 Điều 1.

d) Thay thế cụm từ “pháp luật giao thông đường bộ” thành “pháp luật về đường bộ” tại điểm q khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “pháp luật về giao thông đường bộ” thành “pháp luật về đường bộ” tại khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 5, khoản 5 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 10, khoản 11, khoản 18 Điều 14, điểm b khoản 10, điểm a khoản 11, khoản 17 Điều 15, điểm b khoản 10, điểm a khoản 11 Điều 16, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 31.

đ) Thay cụm từ “30 ngày” thành “15 ngày” tại khoản 3 Điều 7.

e) Thay thế cụm từ “Luật Giao thông đường bộ” thành “Luật Đường bộ” tại điểm a khoản 4 Điều 12.

g) Bãi bỏ Điều 19, các Mẫu 01B, 02A và 02Đ; bãi bỏ cụm từ “Riêng khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này về sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có hiệu lực thi hành đến khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành.” quy định tại khoản 1 Điều 33.

## Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 ngày 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

## Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 2 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), gồm:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và đơn vị sự nghiệp cấp xã”.

## 2. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 7 Điều 4 như sau:

## “3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường thủy nội địa, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.

## 7. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sử dụng kết hợp với hạ tầng khác hoặc sử dụng với nhiều công năng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho cơ quan, đơn vị của địa phương để quản lý để thực hiện cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa thông suốt, an toàn.”.

## 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

“b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã theo đề nghị của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh.”.

## 4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 9 như sau:

“d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán và cũng không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí xác định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

## 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

b) Trường hợp sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để khai thác đa mục tiêu, đa công năng (ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này) - nếu có: Đề nghị Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định[[3]](#footnote-3).”.

## 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này hoặc trực tiếp tổ chức khai thác theo quy định.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:

Vận hành tài sản;

Bảo trì tài sản;

Thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;

Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.

c) Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản này được thực hiện như sau:

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã có trách nhiệm: Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo hợp đồng đã ký kết.”.

d) Việc cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này không áp dụng đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh trực tiếp tổ chức khai thác”.

## 7. Sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

“b) Đối với tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý:

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã), trình cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh để xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

Tờ trình của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã (trong trường hợp cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã): bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 9 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hành lang an toàn đường thủy nội địa phù hợp với quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với tổ chức) hoặc theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 10 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

## 8. Sửa đổi bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường thủy nội địa tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

## 9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 16 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá gồm: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có).Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.”.

## 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

d) Bên thuê quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 10 của các Điều 14 và điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi cơ quan, đơn vị quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 10 của các Điều 14 và điểm g khoản 9 Điều 15 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.”.

## 11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc thu hồi tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc thu hồi tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”.

## 12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ, quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,,..); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.”.

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa từ Bộ, cơ quan trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này.”.

## 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc chuyển giao tài sản: bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.”.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã).”.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

h) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

i) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

## 14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan, đơn vị có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

## 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

## a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

## b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.”.

## 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“**Điều 24. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cũ quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường đường thủy nội địa cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

## 17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

“a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.”.

## 18. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và c khoản 5 Điều 29 như sau:

“a) Trường hợp tổ chức cuộc đấu giá không thành theo quy định của pháp luật về đấu giá hoặc kết quả đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật thì dừng việc bán và thực hiện xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này. Việc xử lý chi phí đã chi ra liên quan đến việc bán tài sản (gồm chi phí kiểm kê, đo vẽ; chi phí xác định giá và thẩm định giá; chi phí tổ chức bán và chi phí khác có liên quan đến việc bán tài sản) được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 24 Nghị định này.

Trường hợp đã có Quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền và đã thực hiện niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản thì tiếp tục thực hiện việc đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

## b) Trường hợp đã đấu giá thành nhưng chưa ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định thì tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành việc mua bán tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định, người mua tài sản (người trúng đấu giá) có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền mua bán tài sản chậm nộp, thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền mua tài sản được thanh toán đầy đủ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại hợp đồng mua bán tài sản.

c) Trường hợp đã đấu giá thành và đã ký hợp đồng mua bán tài sản theo quy định nhưng người mua tài sản (người trúng đấu giá) chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo hợp đồng đã ký kết thì người mua tài sản tiếp tục thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng đã ký kết. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.”.

## 19. Thay thế một số cụm từ tại một số điểm, khoản, điều như sau:

## a) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 2 Điều 2, khoản 2, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 15, khoản 7 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 22, điểm a khoản 2 Điều 23, điểm a, điểm b khoản 6 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 29, Mẫu số 1b, Mẫu số 2a, Mẫu số 2b, Mẫu số 2c tại Phụ lục.

## b) Thay thế cụm từ “30 ngày” thành “15 ngày” tại khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 7 Điều 14, điểm b khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 4 Điều 21, điểm b khoản 4 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 23.

## c) Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý tài sản” thành “cơ quan, đơn vị quản lý tài sản” tại các Điều 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27 và 29.

## 20. Bãi bỏ các khoản 2, 3 và 4 Điều 13, Mẫu số 02A.

## 

## Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 ngày 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

**“**3. Khi quyết định giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản”.

## 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định việc chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia mà không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác.

2. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 7 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trên kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê)”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 7 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng”.

5. Sửa đổi, bổ sung bổ sung một số điểm của khoản 7 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng)”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 7 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (của Bên nhận chuyển nhượng theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 19 như sau:

“a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì thành phần Hội đồng thẩm định giá gồm: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải do Bộ Giao thông vận tải cử; đại diện các cơ quan khác (nếu cần). Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, đo vẽ, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi:

Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó;

Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Đối với các chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được (như khấu hao tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác...) thì tập hợp và phân bổ theo tiêu chí thích hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm, nhiệm vụ, công việc.

d) Bên thuê quyền khai thác tài sản, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17, Điều 18 Nghị định này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi doanh nghiệp quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17, Điều 18 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 17, Điều 18 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản theo quy định.

b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,…); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp”.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,…); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp có tài sản điều chuyển có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản”.

d) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia sang Bộ Xây dựng: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của Bộ Xây dựng về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này.”.

## 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã)”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 như sau:

“e) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho Bên nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.”.

## 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 25 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:

## a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt; đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính.

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp: 01 bản chính.

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính.

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”.

## 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

**“Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) hoặc có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị thanh toán chi phí xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) và bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí.

6. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 28 như sau:

## “2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư là Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,…); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị mà không phát sinh nguồn thu hoặc có phát sinh nguồn thu nhưng không thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản.

2. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trên kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê)”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 7 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (của Bên thuê theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên thuê quyền khai thác có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 như sau:

“2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Điều 34 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi:

Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật khác có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì áp dụng theo các quy định đó;

Đối với các nội dung chi chưa có các căn cứ nêu trên thì người đại diện pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

Đối với các chi phí liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được (như khấu hao tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác...) thì tập hợp và phân bổ theo tiêu chí thích hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm, nhiệm vụ, công việc.

d) Bên thuê quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi doanh nghiệp quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại điểm g khoản 7 của Điều 34 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này.

đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước (ngân sách địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,…); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

“đ) Doanh nghiệp có tài sản chuyển giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị (Bên giao) chậm bàn giao thì các khoản chi phí phát sinh do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chi trả và không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 25 Nghị định này.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

**“Điều 43. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước (ngân sách địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm các nội dung chi quy dịnh tại cá điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

3. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu thuộc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị thanh toán chi phí xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) và bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí.

6. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của doanh nghiệp và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

21. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2; điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5; khoản 1, khoản 2, điểm đ khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6; khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 4, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 13; khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 3 Điều 18; điểm a, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 19; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 20; khoản 2, điểm a, điểm b, điểm d khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 23; khoản 2, điểm a, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 24; khoản 2, điểm a, điểm c, điểm d khoản 7 Điều 25; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 28; điểm a, điểm b khoản 6 Điều 45; khoản 3 Điều 46; điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1, điểm c, điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Mẫu số 1B, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C tại Phụ lục.

## 20. Bãi bỏ Mẫu số 02A tại Phụ lục.

# Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 ngày 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý hàng hải, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định khi thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại các điểm b, c, d và đ **khoản 1** Điều này cho cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ đề   
nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý hàng hải về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý hàng hải lập: bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.”

## 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“**1. Cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thông qua việc cung cấp dịch vụ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các dịch vụ khác liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hàng hải và pháp luật có liên quan.

2**.** Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”

4. Sửa đổi, bố sung khoản 5, điểm c khoản 9 Điều 14 như sau:

**“**5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

9. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của cơ quan, người có thẩm quyền:

c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng hàng hải, hành lang an toàn hàng hải phù hợp với quy định của pháp luật về hàng hải), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”

5. Sửa đổi, bố sung khoản 5, điểm c khoản 8 Điều 15 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

8. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của cơ quan, người có thẩm quyền:

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Có kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình hàng hải tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”

## 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; chi phí thuê kiểm toán độc lập để phục vụ việc kiểm tra sổ sách kế toán, kết quả kinh doanh khai thác tài sản thuê của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng (nếu có); chi phí giải quyết tranh chấp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (nếu có); các chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 25 Nghị định này.

d) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại Điều 14, 15 và 16 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

đ) Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên xem xét bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.”

## 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc địa phương quản lý.

c) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này”.

## 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 20 như sau:

**“**2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b)Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương hoặc sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc phạm vi quản lý sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này;

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 22 như sau:

“7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lýhoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc điều chuyển sang các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (01 bộ hồ sơ) gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng:

Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”

## 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 24 như sau:

“2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này.

b) Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) quyết định và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp được giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải là Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử lý như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.

b) Căn cứ Quyết định điều chuyển tài sản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp quyết định và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về hàng hải và pháp luật khác có liên quan.”

## 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán, trình người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu cơ quan quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

## 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 26 như sau:

**“**2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: Tên cơ quan có tài sản sử dụng để tham gia dự án đầu tư; tên nhà đầu tư tiếp nhận tài sản; danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho nhà đầu tư.”

**13.** Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 23.

**14.** Bãi bỏ khoản 7 Điều 14, Mẫu số 02A tại Phụ lục.

# Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

## 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

## a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi.”.

## b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cấp tỉnh).

b) Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cấp xã là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn cấp xã).”

## 2. Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào sau khoản 7 Điều 4 như sau:

**“**8. Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.

9. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được sử dụng kết hợp với hạ tầng khác hoặc sử dụng với nhiều công năng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho cơ quan, đơn vị của địa phương để quản lý để thực hiện cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo bảo hoạt động thủy lợi thông suốt, an toàn.”.

## 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 6 như sau:

### a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan sau đây:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước) được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là là doanh nghiệp quản lý tài sản).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là đơn vị quản lý tài sản).

c) Cơ quan chuyển môn về thủy lợi cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp xã quy định tại khoản 3a Điều 3 Nghị định này được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản).”.

### b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác thì việc giao tài sản thực hiện theo khoản 4 Điều này.”.

### c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về thủy lợi (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) được giao cho cơ quan chuyên môn cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã, theo hình thức ghi tăng tài sản (trừ tài sản đã giao cho doanh nghiệp nhà nước).”.

### d) Bổ sung các khoản 5, 6 và 7 vào khoản 4 của Điều 6 như sau:

“5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản); không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này hoặc điều chuyển cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này hoặc điều chuyển cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

7. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do các đối tượng khác (ngoài đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định này) quản lý, mà các đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này hoặc điều chuyển về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật về thủy lợi và pháp luật liên quan chưa có thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì áp dụng thẩm quyền trình tự thủ tục quy định tại khoản 5a Điều 22 Nghị định này.”.

## 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“**Điều 7. Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này quản lý thì doanh nghiệp được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tạm giao cho doanh nghiệp quản lý quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải doanh nghiệp quy định điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được điều chuyển về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6, khoản 7 Điều 6 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn thủy lợi về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì cơ quan quản lý thủy lợi thực hiện hoặc chủ trì phối hợp với cơ quan, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý thực hiện xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì cơ quan quản lý thủy lợi phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý thủy lợi thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý thủy lợi.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý thủy lợi trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

6. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản: Theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/BB tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

8. Doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thủy lợi, pháp luật khác có liên quan và các quy định sau đây:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả tài sản do Nhà nước giao theo quy định tại Nghị định này và tài sản do doanh nghiệp đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan đến chi phí bảo trì công trình.

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

d) Đối với công trình thủy lợi không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích thủy lợi mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan**.**

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan.

e) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Chương III Nghị định này.”

## 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8.** **Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho doanh nghiệp quản lý tài sản, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý) chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 6 Nghị định này quản lý thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 6 quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tạm giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 6) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được điều chuyển về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6, khoản 7 Điều 6 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi ở cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại các điêm a, b và c khoản 3 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn thủy lợi cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì cơ quan quản lý thủy lợi thực hiện hoặc chủ trì phối hợp với cơ quan, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý thực hiện xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì cơ quan quản lý thủy lợi phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý thủy lợi thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý thủy lợi.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý thủy lợi trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

6. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản được giao quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/BB tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan.

8. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/BB tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

9. Doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thủy lợi, pháp luật khác có liên quan và các quy định khoản 8 Điều 7 Nghị định này.

## 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“**Điều 9. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với tài sản thuộc xã quản lý) chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này quản lý thì cơ quan, đơn vị được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tạm giao cho cơ quan, đơn vị quản lý quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải cơ quan, đơn vị quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được điều chuyển về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6, khoản 7 Điều 6 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn cấp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn cấp xã về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Ủy ban nhân dân cáp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý); cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (nếu cần); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

5. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan.”.

## 8. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 11 như sau:

“3a. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì công trình thủy lợi hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).”.

## 9. Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Hằng năm, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lập kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi thẩm định, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã (theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, phê duyệt.”.

## 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thì việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này.

b) Trường hợp sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để khai thác đa mục tiêu, đa công năng (ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này): Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định[[4]](#footnote-4).”.

## 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

## a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác được thực hiện như sau:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất các trường hợp cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong trường hợp không phải lập Đề án để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.”.

## 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

### a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.”

### b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 5 Điều này đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.”.

### c) Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp xã:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.”.

### d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải đáp ứng các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Đáp ứng yêu cầu hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”) về năng lực tối thiểu của tổ chức khai thác công trình thủy lợi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

### đ) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”

### e) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán năm đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên cho thuê và Bên thuê quyền khai thác tài sản căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán năm đã được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) để xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên cho thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng.”.

### g) Sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 9 như sau:

“p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

## 13. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 17 như sau:

### a) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh thẩm định Đề án trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.”.

### b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Đáp ứng yêu cầu hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu (thông qua“Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”) về năng lực tối thiểu của tổ chức khai thác công trình thủy lợi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

### Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

### c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền nhận chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

### d) Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 9 như sau:

“l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.”.

### đ) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 9 như sau:

“o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”

## 14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 18 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định giá thì thành phần Hội đồng thẩm định giá gồm: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý); đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có).Trường hợp cần thiết thì Hội đồng thẩm định giá thuê tổ chức có chức năng tư vấn về giá để tư vấn xác định giá khởi điểm.”.

## 15. Sửa đổi khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Đối với phương thức cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý.

b) Chi phí khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, thẩm định, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí khác có liên quan.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 25 Nghị định này.

d) Bên thuê quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện thanh toán tiền theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 16 và 17 Nghị định này cho cơ quan được giao tài sản vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi cơ quan quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại điểm g khoản 9 của các Điều 16 và 17 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan được giao tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan được giao tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

đ) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại tại điểm b, điểm c khoản này; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan”.

## 16. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 20 như sau:

“2a. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý”.

## 17. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 21 như sau:

### a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.”.

### b) Bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.”.

### c) Sửa đổi điểm a khoản 6 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cùng cấp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị thu hồi tài sản (trong đó xác định cụ thể việc thu hồi tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản này gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh.”.

## 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc sang Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa phương khác.”

### b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do địa phương quản lý về Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý), cơ quan chuyên môn cấp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính;

Văn bản đồng ý tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định (nêu trên) gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường (trong trường hợp chưa có văn bản đồng ý tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản được quy định tại khoản 8 Điều này.”.

### c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cùng cấp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này và địa phương dự kiến tiếp nhận tài sản): 01 bản chính.

Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp..

### d) Sửa đổi điểm a khoản 5 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cùng cấp. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.

Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

### b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, khoản này cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

### đ) Bổ sung khoản 5a như sau:

“5a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 1. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính

Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 1 được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các khoản 6, khoản 7 Điều này”.

### e) Bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện Quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản điều chuyển.

19. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

“Điều 22a. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng cơ quan quản lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng.

b) Bị loại khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng thủy lợi

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý về địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý, xử lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất) quản lý, xử lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận; thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

i) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản trong trường hợp xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý); danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 4 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số [108/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-dinh-108-2024-ND-CP-quan-ly-dat-cong-khong-su-dung-de-o-giao-cho-to-chuc-kinh-doanh-nha-khai-thac-622425.aspx" \t "_blank) ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 3a, 3b, 3c và 3d Điều 23 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

20. Sửa đổi một số điểm, khoản Điều 23 như sau:

### a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

### b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.”.

### c) Bổ sung khoản 3a như sau:

“3a. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.”.

### d) Bổ sung khoản 3b như sau:

“3b. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.”.

### đ) Bổ sung khoản 3c như sau:

“3c. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (01 bộ hồ sơ) gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

### e) Bổ sung khoản 3d như sau:

“3d. Bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng

Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”.

### g) Bổ sung khoản 3đ như sau:

“3đ. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; cơ quan quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 3a, 3b, 3c và 3d Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

### h) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể việc thanh lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”.

### i) Sửa đổi điểm c khoản 5 như sau:

“5. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, cơ quan, người có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định thanh lý. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thanh lý. Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thanh lý.

Danh mục tài sản thanh lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại).

Lý do thanh lý (trong đó xác định cụ thể việc thanh lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này).

Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu còn sử dụng được); tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận).

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thanh lý tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản có trách nhiệm thực hiện kế toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.”.

## 21. Sửa đổi một số điểm, khoản Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

### b) Sửa đổi khổ đầu khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:”

### c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, cơ quan, người có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về thủy lợi cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định xử lý. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thanh lý. Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị mất, bị hủy hoại.

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại).

Lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại (trong đó xác định cụ thể việc xử lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này).

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.”

## 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“**Điều 25. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước như sau:

Ngân sách trung ương đối với các khoản thu từ xử lý sản thuộc trung ương quản lý;

Ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản thuộc địa phương quản lý.

2. Nội dung chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Chi phí kiểm kê tài sản.

b) Chi phí đo, vẽ nhà, đất, công trình.

c) Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản.

d) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ tài sản.

đ) Chi phí tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

e) Chi phí bán vật liệu, vật tư thu hồi.

g) Chi phí hợp lý khác có liên quan đến xử lý tài sản.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký kết theo quy định giữa cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán trình người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ công trình cũ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mới mà chi phí phá dỡ công trình cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc phá dỡ được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

## 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“**Điều 26. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai tài sản là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập báo cáo, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.”

## 24. Thay thế, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04B, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04C.

b) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 2 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, tên và khoản 2, khoản 3 Điều 7, điểm b, điểm c khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 11, khoản 4 Điều 13, tên khoản 3, khoản 6 Điều 22, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 26, khoản 2, khoản 4 Điều 27, khoản 2, khoản 4, điểm a, điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 30, Mẫu số 01A, Mẫu số 01B, Mẫu số 01C, Mẫu số 01D, Mẫu số 02A, Mẫu số 02B, Mẫu số 02C, Mẫu số 03A, Mẫu số 03B, Mẫu số 03C, Mẫu số 03D, Mẫu số 03Đ, Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C.

c) Bỏ cụm từ “Quận/Huyện” tại Mẫu số 01A, Mẫu số 01B.

d) Bãi bỏ khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 3 Điều 15, các Mẫu số 01A, 01B, 01C, 01D, 02A, 02B, 02C, 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ, 03E, 04A.

# Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ

## 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 3 như sau:

“15. Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

## 2. Bổ sung khoản 15a vào sau khoản 15 Điều 3 như sau:

“15a. Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ:

a) Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh).

b) Cơ quan chuyên môn được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp xã là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn cấp xã).”

## 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“**Điều 15.** **Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước);

c) Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 15a Điều 3 Nghị định này.

2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Cơ quan chuyên môn cấp xã quy định tại điểm b khoản 15a Điều 3 Nghị định này.

3. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ:

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hình thức ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này (sau đây gọi là đơn vị quản lý tài sản), cơ quan chuyên môn cấp xã quy định tại điểm b khoản 2 Điều này (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản);

b) Giao cho doanh nghiệp nhà nước quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để thực hiện việc kinh doanh chợ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản).

c) Giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh để lập phương án khai thác trong trường hợp tài sản đã giao cho đơn vị sự nghiệp, cơ quan chuyên môn cấp xã nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không hiệu quả.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng (cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản); không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu trên thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do các đối tượng không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3a Điều 29 Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.

## 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý**

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc địa phương quản lý cho doanh nghiệp quản lý tài sản, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng chợ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này quản lý thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ tạm giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định khoản 1 Điều 15 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được điều chuyển về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý chợ ở địa phương chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý chợ lập: bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng chợ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản thì cơ quan quản lý chợ thực hiện hoặc chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý thực hiện xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng chợ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì cơ quan quản lý chợ phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý chợ thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản kết cấu hạ tầng chợ. Chi phí thuê thẩm định giá được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý chợ.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý chợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng chợ làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

6. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản. Trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì danh mục tài sản giao bao gồm cả giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

8. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều này; sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

9. Doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và các quy định sau đây:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng chợ (bao gồm cả tài sản do Nhà nước giao theo quy định tại Nghị định này và tài sản do doanh nghiệp đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về chợ và pháp luật khác có liên quan đến chi phí bảo trì công trình.

c) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

d) Đối với công trình chợ không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích kinh doanh chợ mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng chợ theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan**.**

đ) Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

e) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo quy định tại các Mục 3, 4, 5, 6 và 7 Nghị định này.”

## 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý

1. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với tài sản do cấp xã quản lý) chỉ đạo thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng chợ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này quản lý thì cơ quan, đơn vị được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ tạm giao cho cơ quan, đơn vị quản lý quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này) quản lý.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được điều chuyển về Ủy ban nhân dân theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định này.

3. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn cấp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm khoản 2 Điều 15 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn cấp xã về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh (nếu cần); cơ quan, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

5. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản:

a) Cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về chợ và pháp luật khác có liên quan.”.

6.Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án theo thẩm quyền.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“a) Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Có kinh nghiệm quản lý, vận hành và khai thác chợ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, vận hành và khai thác chợ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định này và có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ). Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về chợ cấp tỉnh.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (cơ quan, đơn vị được giao tài sản).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có): 01 bản chính.

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Tiền thuê phải trả (hằng năm, một lần).

g) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hằng năm thì thanh toán mỗi năm 01 lần chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm sau. Bên thuê căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này để xác định và nộp tiền thuê hằng năm; trường hợp tại thời điểm nộp tiền thuê hằng năm mà Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán năm chưa được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp tính trên doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán năm được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định, Bên thuê có trách nhiệm nộp bổ sung (trong trường hợp số tạm nộp nhỏ hơn số phải nộp), được giảm trừ số tiền nộp thừa (trong trường hợp số tạm nộp lớn hơn số phải nộp) vào tiền thuê phải nộp của năm sau. Trường hợp năm đầu tiên và năm cuối cùng không đủ 12 tháng thì tiền cho thuê quyền khai thác tài sản của năm đầu tiên và năm cuối cùng được tính theo số tháng thuê theo hợp đồng của năm đó; trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán (đối với doanh nghiệp) hoặc Báo cáo quyết toán năm cuối cùng chưa được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định thì số tiền thanh toán của năm cuối cùng được tính trên cơ sở doanh thu thực tế do Bên thuê và Bên cho thuê xác định nhưng không thấp hơn số tiền thuê tương ứng của năm trước năm cuối cùng.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì tiền thuê được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền thuê trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá, do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong toả là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).

i) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng chợ và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc nhận thuê quyền khai thác tài sản (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên cho thuê; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên cho thuê, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý), trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên cho thuê trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan.

p) Xử lý trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án theo thẩm quyền.”

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“a) Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Có kinh nghiệm quản lý, vận hành và khai thác chợ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc khả năng đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình chợ tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá (thông qua “Hợp đồng kinh tế/cam kết/chứng minh của bên thứ ba”);

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04B Phụ lục I ban hành Nghị định này và có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ). Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về chợ cấp tỉnh.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Ký hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (cơ quan, đơn vị được giao tài sản).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích đất; công suất theo thiết kế và thực tế; giá trị tài sản; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu đối chiếu).

e) Giá trị hợp đồng (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (ngoài giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong toả là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng), phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về ngân hàng và pháp luật khác có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên nhận chuyển nhượng (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng quyền khai thác (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hằng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% cho Bên chuyển nhượng; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) cho Bên chuyển nhượng, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xác định số tiền nộp bổ sung, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung từ khai thác tài sản thuộc địa phương quản lý). Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền cho Bên chuyển nhượng trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.”

8. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 27 như sau:

“2a. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.”

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.”

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý;

c) Riêng đối với tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì thẩm quyền thu hồi, việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi và việc quản lý, xử lý đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.”

b) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 như sau:

“c) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi tên khoản 3 như sau:

“3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ giữa các địa phương hoặc từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương khác”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan chuyên môn về kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý), cơ quan chuyên môn cấp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.

Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý mà thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản đề nghị kèm theo bản sao hồ sơ quy định (nêu trên) gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị liên quan: 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.”

d) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị định này:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng chợ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc Bộ, cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

d) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản và các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này”.

11. Bổ sung Điều 29a vào sau Điều 29 như sau:

“**Điều 29a. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ về địa phương quản lý, xử lý**

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng cơ quan quản lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng.

b) Bị loại khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng chợ

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ về địa phương quản lý, xử lý:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất) quản lý, xử lý.

3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng chợ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng hoặc khối lượng hoặc chiều dài hoặc diện tích,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với các trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản, thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận; thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Trường hợp quá thời hạn theo quy định tại điểm đ khoản này mà cơ quan quản lý tài sản không bàn giao tài sản hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận tài sản thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận tài sản phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo trì, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

i) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện Quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản trong trường hợp xử lý tài sản thuộc trung ương quản lý); danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 4 Điều này; trong đó cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

c) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

d) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, việc xử lý đối với tài sản gắn liền với đất được thực hiện như sau:

Căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm e khoản này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại điểm e khoản này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá bán tài sản; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất. Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô đất theo tỷ lệ diện tích của từng lô đất trên tổng diện tích của tất cả các lô đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 30 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết.

đ) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng chợ đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm d khoản này.

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“**Điều 30. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả (không thể phục hồi theo công năng của tài sản);

b) Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản. Trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định này thì không áp dụng hình thức thanh lý theo quy định tại Điều này;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ

a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”

i) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, cơ quan, người có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định thanh lý. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc thanh lý tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản);

Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu còn sử dụng được); tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận);

Lý do thanh lý (trong đó xác định cụ thể tài sản thanh lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này);

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm thực hiện kế toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Cơ quan quản lý tài sản có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan quản lý tài sản (cơ quan có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (01 bộ hồ sơ) gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên cơ quan có vật liệu, vật tư điều chuyển do thanh lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng); mục đích sử dụng sau khi điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng: Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

9.Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; cơ quan quản lý tài sản không phải thực hiện trình tự, thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.”

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản xử lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, cơ quan, người có thẩm quyền lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định xử lý. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc xử lý tài sản: 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“**Điều 32. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cơ quan, đơn vị được giao tài sản trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo quy định tại Điều 23 Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ thực hiện phương án khai thác quy định tại các Điều 24, 25 Nghị định này, số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

3. Nội dung chi phí liên quan đến khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm: Chi phí kiểm kê; chi phí xác định giá khởi điểm; chi phí tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan.

4. Mức chi, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 33 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán lần đầu theo quy định tại Điều 24, 25 và 26 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (sau khi trừ các khoản chi phí tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán của các lần tiếp theo quy định tại Điều 24, 25 và 26 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (sau khi trừ các chi phí phát sinh (nếu có) tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

6. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí quy định tại khoản 4 Điều này có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp số tiền thu được từ khai thác tài sản theo hình thức cơ quan, đơn vị được giao tài sản trực tiếp khai thác quy định tại Điều 23 Nghị định này mà không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan, đơn vị được giao tài sản.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“**Điều 33. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

2. Nội dung chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:

a) Chi phí kiểm kê tài sản;

b) Chi phí đo, vẽ nhà, đất;

c) Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;

d) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy tài sản;

đ) Giá dịch vụ đấu giá trả cho tổ chức đấu giá trong trường hợp đấu giá thành; chi phí đấu giá tài sản trả cho tổ chức đấu giá trong trường hợp đấu giá không thành; chi phí đấu giá trong trường hợp việc tổ chức đấu giá do Hội đồng thực hiện;

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan đến khai thác tài sản công.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán trình Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan quản lý tài sản.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng chợ cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng chợ cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.

9. Trường hợp phá dỡ công trình cũ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mới mà chi phí phá dỡ công trình cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, không thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản ~~9~~ 8 Điều này.”

## 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“**Điều 34. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng chợ**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng chợ để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng chợ:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai tài sản là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập báo cáo, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.”

## 17. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 38 như sau:

### a) Bổ sung điểm e khoản 3 như sau:

“e) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng chợ theo quy định của pháp luật có liên quan.”

### b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“a) Phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và các quy định hiện hành; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát, công bố việc phân hạng, phân loại chợ;”

## 17. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 5 Điều 38.

b) Bỏ cụm từ “Quận/Huyện” tại Mẫu số 01A, Mẫu số 01B.

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 38, các Mẫu số 01A, 01B, 01C, 01D, 02A, 02B, 02C, 02D, 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

## “3a. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch liên xã là công trình cấp nước sạch quy định tại khoản 1 Điều có quy mô, phạm vi cấp nước sạch cho từ hai (02) xã trở lên”.

b) Sửa đổi bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở trung ương là Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Bộ Xây dựng theo phân công của Chính phủ.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.”

# 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Bổ sung vào cuối khoản 1 như sau:

“1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý theo quy định của pháp luật.

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng quản lý phải căn cứ vào điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương và các điều kiện khác quy định tại Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch liên xã cho một (01) Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) bảo đảm phù hợp với nguyên tắc này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương.

Khi quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia phải có ý kiến của Bộ Công an, trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm xác định khi thực hiện việc giao, khai thác, xử lý tài sản.”.

c)Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất và kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan. Không thực hiện việc chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Trường hợp thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất gắn với tài sản, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”.

# 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch)

1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh); đơn vị sự nghiệp có nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn cấp xã).

c) Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch hoặc có năng lực vận hành công trình cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch.

d) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh.

2. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức ghi tăng tài sản:

a1) Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 (sau đây gọi là đơn vị);

a2) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (sau đây gọi là cơ quan).

b) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức tính thành vốn nhà nước cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

c) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh trong trường hợp không thực hiện được việc giao tài sản cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản này hoặc đã giao tài sản cho cơ quan quy định tại điểm a (a2) khoản 2 Điều này quản lý nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không đạt hiệu quả, để lập phương án khai thác theo các phương thức như sau:

c1) Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch.

c2) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gắn với dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là đối tượng được giao tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư, chủ dự án, ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng đó không phải là đối tượng được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang đối tượng được giao tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc điều chuyển sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là đối tượng được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do các đối tượng không phải là đối tượng được giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản sang đối tượng được giao tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp cón vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định này để quyết định và thực hiện điều chuyển tài sản.”

**4.** Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Thẩm quyền giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

## 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch liên xã, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giaotài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đơn vị sự nghiệp cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp xã quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.”

**5.** Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng quản lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 5a Nghị định này.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức việc rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 5 Nghị định này quản lý thì được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 5 Nghị định này tạm quản lý, sử dụng, chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 5 Nghị định này) quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được điều chuyển về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này.

2. Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 6a Nghị định này.

Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho đối tượng quản lý tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này trong trường hợp giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

Trường hợp không có hồ sơ pháp lý về tài sản hoặc có hồ sơ pháp lý về tài sản nhưng bị mất hoặc thất lạc, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có văn bản xác nhận về tình trạng hồ sơ của tài sản và chịu trách nhiệm về việc xác nhận của mình: bản chính.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

4. Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp được giao tài sản căn cứ hồ sơ về tài sản để xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì doanh nghiệp được giao tài sản phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này:

Doanh nghiệp được giao tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật để thẩm định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ danh mục, thực trạng tài sản và kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp được giao tài sản báo cáo cơ quan người có thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Chi phí thuê thẩm định giá trị tài sản được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp được giao tài sản.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản;

b) Hình thức giao tài sản (ghi tăng tài sản/ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp);

c) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan.

7. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với tài sản được giao cho doanh nghiệp được giao quản lý tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Đối với tài sản quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này; sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; giá trị vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều này; thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan và các quy định sau đây:

c1) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch giao cho doanh nghiệp quản lý.

c2) Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả tài sản do Nhà nước giao theo quy định tại Nghị định này và tài sản do doanh nghiệp đầu tư từ nguồn vốn của doanh nghiệp) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan đến chi phí bảo trì công trình.

c3) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c4) Đối với công trình cấp nước sạch không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích kinh doanh cấp nước sạch mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước và các trường hợp khác phải thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý đất, tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

8. Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan.

9. Trường hợp các Bộ, Cơ quan trung ương thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khác (giao thông, thủy lợi) trên địa bàn mà có hình thành tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì sau khi xử lý tài sản dự án theo quy định của pháp luật, trên cơ sở chấp thuận của Bộ, Cơ quan trung ương, chủ đầu tư dự án có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để thực hiện việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng quản lý theo quy định tại Điều này.”.

**6.** Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 như sau:

“Điều 7a. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 5a Nghị định này.

1. Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, cơ quan chuyên môn cấp xã chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan chuyên môn cấp xã về việc đề nghị giao tài sản: bản chính.

b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan chuyên môn cấp xã; cơ quan, đơn vị có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh (nếu cần); cơ quan, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản: bản chính.

c) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

4. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

c) Hình thức giao tài sản.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Tổ chức thực hiện Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp xã thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 6 Nghị định này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất kinh doanh nước sạch và pháp luật khác có liên quan.”.

**7.** Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“**Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản.

a) Cơ quan chuyên môn cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh về đề nghị giao lại tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh để thực hiện khai thác. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị giao lại tài sản, trong đó nêu rõ lý do giao lại tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản): bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh có văn bản kèm bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi lấy ý kiến cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao và khai thác tài sản (phương án khai thác tài sản theo Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh; cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao và khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

đ) Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan đề nghị giao lại tài sản;

Tên cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao, khai thác tài sản;

Hình thức khai thác tài sản (chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản/bán);

Danh mục tài sản (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản);

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với bên giao, cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 15 Nghị định này, khai thác tài sản theo phương thức bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

5. Trong thời gian báo cáo cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt và triển khai phương án khai thác tài sản, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc các trương hợp khác) có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được thành lập hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá để làm cơ sở quyết định giá khởi điểm. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo pháp luật về giá, bảo đảm giá xác định phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm xác định giá (nếu có). Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm cung cấp thông báo kết quả thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm cung cấp chứng thư thẩm định giá cho người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản theo quy định của pháp luật về giá.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm thuê tổ chức đấu giá để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Giá bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức đấu giá là giá trúng đấu giá.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá tài sản do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản chuyển, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tổ chức trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (người mua tài sản) có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định mà người mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện hủy bỏ Hợp đồng đã ký kết và người mua tài sản phải bồi thường số tiền tương ứng với khoản tiền đã đặt trước để tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được bán tài sản cho người đã trả giá liền kề tại cuộc đấu giá nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá trúng đấu giá và người đã trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này”.

**9.** Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

**a)** Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

**“**3. Nguyên tắc ghi sổ kế toán trong một số trường hợp:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng theo quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiết/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng).

Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm tra quyết toán;

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A-B);

Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh);

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất.

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan, đơn vị thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

Trường hợp tại Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản không có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì cơ quan, đơn vị căn cứ hồ sơ của tài sản và quy định tại các điểm a, b và d khoản này để thực hiện việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không có thông tin để xác định giá trị của tài sản thì thực hiện như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tương đương nhưng tài sản đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì cơ quan, đơn vị thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi kiểm kê phát hiện thừa trong quá trình sử dụng thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.”.

b) Bổ sung các khoản 4, 5 và 6 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ hoặc lắp đặt một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một tài sản hữu hình (trong trường hợp giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ hoặc lắp đặt đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ hoặc lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

d) Tài sản bị mất một phần hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự kiện bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật hoặc được khôi phục lại thông qua bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”.

10.Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản được giao cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp xã quản lý”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện thông qua hình thức đấu giá.

Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm: có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a1) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án cho thuê quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan (nếu cần thiết).

a3) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

b) Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân cấp xã quy định tại điểm b khoản 2 Điều này:

Đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án cho thuê quyền khai thác tài sản báo cáo Ủy ban nhân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

5. Căn cứ phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c) Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.”.

e) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên cho thuê (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê).”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này hoặc được giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện:

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.”.

e) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 9 như sau:

“h) Thực hiện ký quỹ hoặc bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền chuyển nhượng theo hợp đồng):

Trường hợp áp dụng hình thức ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản có trách nhiệm gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn chuyển nhượng theo giá trúng đấu giá.

Số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng); phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

Trường hợp áp dụng hình thức bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng, việc bảo lãnh ngân hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật ngân hàng và pháp luật có liên quan. Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên thuê (Bên được bảo lãnh) khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên chuyển nhượng (kể cả nghĩa vụ phát sinh do vi phạm hợp đồng liên quan đến việc bàn giao lại tài sản cho Bên chuyển nhượng).”.

12. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Việc tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm và thẩm quyền quyết định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như sau:

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.”.

13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

“e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản (đối với tài sản được điều chuyển giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền (đối với tài sản được điều chuyển cho cơ quan, đơn vị thuộc địa phương khác) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp”.

14. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 như sau:

“Điều 19a. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tài sản đã được giao cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn khả năng cấp nước.

b) Bị loại ra khỏi quy hoạch vùng cấp nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi quản lý về địa phương quản lý, xử lý.

4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch về địa phương quản lý, xử lý:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu cần thiết), lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc địa bàn nơi có tài sản (trong trường hợp chuyển giao tài sản từ đơn vị khác cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, xử lý) lập 01 bộ hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi tiếp nhận tài sản) và của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

Các văn bản liên quan đến lý do tiếp nhận tài sản (nếu có): bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác: bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và cơ quan chức năng của địa phương (tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã).

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản quy định tại điểm đ khoản này (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao (Bên giao) hoặc cơ quan chức năng của địa phương (Bên nhận) không tiếp nhận tài sản chuyển giao thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị hủy hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

g) Cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao có trách nhiệm thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

h) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, tính hao mòn (nếu có) đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

i) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

k) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản có ý kiến của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác được thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

b) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

c) Trường hợp giao tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

Việc xử lý tài sản gắn liền với đất do chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan nông nghiệp và môi trường để tham mưu thực hiện theo quy định tại điểm d khoản này.

Trường hợp xử lý tài sản gắn liền với đất theo hình thức phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại điểm đ khoản này thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 20 Nghị định này; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, hủy bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất (thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất), thông báo cho người có nhu cầu giao đất, cho thuê đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất (trong trường hợp không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất).

e) Cơ quan chuyên môn về tài chính có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a khoản này. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm b khoản này. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm c khoản này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“**Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tự vận hành, khai thác theo quy định tại Điều 13 Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện phương án khai thác quy định tại các Điều 8, 14, 15, các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 26 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện như sau:

a) Số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản gồm:

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt phương án bán tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức bán đấu giá tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian thực hiện bán tài sản và các chi phí khác có liên quan đến việc bán tài sản quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê quyền khai thác, Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan đến cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này.

Chi phí xác định giá trị hoàn trả (giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước); chi phí tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan đến việc khai thác tài sản quy định tại các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 26 Nghị định này.

c) Mức chi; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 23 Nghị định này.

d) Bên mua tài sản, bên thuê quyền khai thác, bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, bên nhận hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước thực hiện thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 14, điểm đ khoản 10 Điều 15, khoản 8, khoản 9 Điều 26 Nghị định này cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản vào tài khoản tại kho bạc nhà nước nơi cơ quan, đơn vị quản lý tài sản mở tài khoản.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 14, điểm đ khoản 10 Điều 15, khoản 8, khoản 9 Điều 26 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này) vào ngân sách nhà nước.

đ) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm b, điểm c khoản này; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước quy định tại điểm d khoản này.

e) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“**Điều 23. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có), sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nội dung chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.

b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.

c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.

d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.

đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

3. Mức chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng tầng cấp nước sạch:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, bộ phận tham mưu của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán trình người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản để chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của bộ phận tham mưu (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; việc chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan quản lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý tài sản.

7. Trường hợp phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này mà chi phí phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng tài sản mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi thu được tiền từ xử lý tài sản thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản được tạm ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản và được trừ vào tiền thu được từ xử lý tài sản.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“**Điều 24. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai tài sản là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển), xử lý tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao quản lý tài sản, thông tin về tài sản đã kê khai.

4. Hằng năm, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ hằng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập báo cáo, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hằng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.

7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp.

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Gửi qua Fax.

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.”

18.Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 26 như sau:

“b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị hoàn trả tài sản để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá trị hoàn trả tài sản theo quy định của pháp luật về giá.

## 19. Bãi bỏ một số điều, khoản, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điểm, khoản như sau:

a) Bãi bỏ điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 28, các Mẫu số 01A, 01B, 01C, 01D, 02A, 02B, 02C, 02D, 02Đ, 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ, 03E.

b) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 4 Điều 3, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 28.

## c) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan thuế theo thẩm quyền” tại khoản 4 Điều 8, điểm c khoản 9 Điều 26.

d) Thay thế cụm từ “pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” bằng cụm từ “pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại điểm b khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 4 Điều 6 và khoản 5 Điều 11.

đ) Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh” tại các Điều: 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28.

**Điều 8. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các thẩm quyền trong giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, cấp nước sạch giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất.

2. Đối với các thẩm quyền trong giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi giao Bộ trưởng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Bộ trưởng chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp đã được Bộ trưởng ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện thủ tục giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, nước sạch, trường hợp đã thực hiện một phần nhiệm vụ, công việc nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành (theo quy định tại các Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024, số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025, số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025, số 84/2025/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2025, số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025, số 60/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2024, số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ) thì tiếp tục thực hiện các công việc chưa hoàn thành theo quy định tại Nghị định này; trường hợp có thay đổi về đối tượng thực hiện và thẩm quyền quyết định thì thực hiện chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, kết quả đã thực hiện cho đối tượng tiếp nhận để tiếp tục thực hiện, giải quyết theo trình tự, thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

## Điều 9. Tổ chức thực hiện

## 1. Các bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị định này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, cấp nước sạch có giá trị lớn và có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân bất khả kháng khác gây ra được mua bảo hiểm để chủ động đối phó có hiệu quả và chuyển giao rủi ro theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật có liên quan. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ các Mục, Điều, cụm từ sau:

a) Bãi bỏ Mục 3 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Bãi bỏ các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Bãi bỏ cụm từ “tài sản kết cấu hạ tầng tại địa bàn thường xuyên xảy ra bão, lũ, lụt” tại khoản 3 Điều 111 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  -Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Toà án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG** (Chữ ký, dấu)    **Phạm Minh Chính** |

1. Nội dung sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; khoản 6 Điều 2 Luật Đường bộ năm 2024. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quy định giảm thời gian ra quyết định của cấp có thẩm quyền nhằm cải cách thủ tục hành chính (từ 30 ngày xuống còn 15 ngày) - nội dung này đã được quy định tại các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, đường sắt và đã được báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6709/BTC-QLCS ngày 19/5/2025 (dự thảo Nghị định hàng không). [↑](#footnote-ref-2)
3. Ví dụ: Hạ tầng đường thủy nội địa kết hợp cùng với hạ tầng du lịch tại các bến cảng để đón các tàu thuyền du lịch cho khách tham quan.

   [↑](#footnote-ref-3)
4. Ví dụ: Có ý kiến đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi kết hợp cùng với hạ tầng du lịch tại các sông, hồ để đón các tàu thuyền du lịch cho khách tham quan, hạ tầng thủy lợi lắp đặt điện gió… [↑](#footnote-ref-4)